

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy hoạch và ban hành Quy định quản lý theo đồ án
Quy hoạch chung xây dựng xã Bình An, huyện Thăng Bình,
tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THĂNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật về Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Luật về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 2014 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, Quy hoạch xây dựng vùng huyện, Quy hoạch đô thị, Quy hoạch xây dựng khu chức năng và Quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 07/2/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam về phê duyệt quy hoạch và ban hành quy định quản lý xây dựng kèm theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình, giai đoạn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 20/07/2023 của UBND Huyện Thăng Bình Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí lập Quy hoạch chung xây dựng xã Bình An, Huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030;

Căn cứ Biên bản tổng hợp lấy ý kiến cộng đồng dân cư ngày 11/12/2023 về hồ sơ lập quy hoạch dự án: Quy hoạch chung xây dựng xã Bình An, Huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030.

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 18/12/2023 của Hội đồng nhân dân xã Bình An về việc thống nhất thông qua đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Bình An, Huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030;

Căn cứ Thông báo số 581/TB-HĐTĐ ngày 31/05/2024 về việc thông báo kết luận của đồng chí Trương Công Sơn - Phó Chủ tịch UBND huyện, Chủ tịch Hội đồng thẩm định Quy hoạch chung xây dựng xã Bình An, huyện Thăng Bình giai đoạn đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 1032/SXD-QLQH ngày 17/06/2024 của sở Xây Dựng Quảng Nam về việc góp ý 02 đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã: Bình An, Bình An, huyện Thăng Bình giai đoạn đến năm 2030.

Xét đề nghị của UBND xã Bình An có Tờ trình số 133/TTr-UBND ngày 28/06/2024 về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt Quy hoạch và ban hành Quy định quản lý xây dựng kèm theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Bình An, Huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng (Cơ quan Thường trực Hội đồng thẩm định) tại Báo cáo Kết quả thẩm định quy hoạch xây dựng số 227/BC-KTHT ngày 31/07/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch và ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Bình An, Huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030, với các nội dung sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

- Phạm vi: Toàn bộ diện tích tự nhiên thuộc ranh giới hành chính xã Bình An, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam; Với tổng diện tích tự nhiên là 22,66 km². Gồm 7 thôn: thôn An Dưỡng, An Thái, An Mỹ, An Phước, An Thành 1, An Thành 2, An Thành 3.

- Ranh giới lập quy hoạch: Xã Bình An, có tứ cận như sau:

- + Phía Đông: giáp xã Bình Nam, Bình Trung.
- + Phía Tây: giáp xã Bình Quế;
- + Phía Bắc: giáp Bình Trung;
- + Phía Nam: giáp huyện Phú Ninh.

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: Tổng diện tích tự nhiên 22,66 km².

2. Mục tiêu, tính chất, chức năng của xã:

2.1. Mục tiêu

a. Mục tiêu chung:

- Tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật tương đối hiện đại theo hướng đô

thị gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, gắn liền với bảo tồn bản sắc văn hóa làng quê, văn hóa cộng đồng. Cụ thể hóa quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình và định hướng phát triển kinh tế xã hội của huyện Thăng Bình. Rà soát, đánh giá và bổ sung các nội dung còn tồn tại theo quy hoạch đã được duyệt, trên cơ sở đó đề xuất phương án quy hoạch phù hợp với Quy chuẩn, Tiêu chuẩn, Tiêu chí nông thôn mới và tình hình thực tế của địa phương.

- Đáp ứng nhu cầu phát triển cho giai đoạn mới, làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn xã.

- Khai thác hợp lý các nguồn lực, xây dựng xã phát triển toàn diện, bền vững và bắt kịp thời đại. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với thế mạnh và hướng phát triển chung của huyện, của tỉnh Quảng Nam. Tập trung phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao có lợi thế cạnh tranh, hướng đến nâng cao chất lượng tăng trưởng và kinh tế tri thức; Cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh sang khu vực dịch vụ, chuyển đổi dần mô hình tăng trưởng từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu.

- Thực hiện phát triển bền vững, gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước và tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong quá trình phát triển, hội nhập quốc tế, tăng trưởng xanh, bền vững.

- Thể hiện khả năng phát huy và sử dụng có hiệu quả các yếu tố nội lực và nguồn lực từ bên ngoài và mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững nhằm xây dựng, phát triển xã Bình An đạt nông thôn mới nâng cao trong thời gian đến.

- Cập nhật các định hướng của quy hoạch cấp trên, làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư và quản lý xây dựng trên địa bàn xã.

b. Mục tiêu cụ thể:

- Quy hoạch và kết nối mạng lưới dân cư của các thôn trên địa bàn xã, phù hợp với phong tục, tập quán và lối sống của cư dân xã Bình An.

- Quy hoạch phân vùng sản xuất, góp phần hợp lý hóa cây trồng - vật nuôi, tăng năng lực sáng tạo của nguồn nhân lực, thúc đẩy phát triển KT-XH và phát triển có tính bền vững.

- Xây dựng phương án khai thác, sử dụng hiệu quả quỹ đất, cảnh quan sinh thái khu vực, đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng phù hợp với tiêu chuẩn, tiêu chí, đáp ứng các yêu cầu phục vụ sản xuất, sinh hoạt của nhân dân, góp phần phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, yêu cầu của sản xuất và nâng cao năng suất.

- Khai thác hiệu quả quỹ đất, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Tạo điều kiện thuận lợi trong công tác tái định cư các hộ dân bị ảnh hưởng bởi các dự án đã và đang triển khai trên địa bàn xã Bình An.

- Làm cơ sở pháp lý để quản lý quy hoạch toàn xã và kêu gọi, thu hút đầu tư, lập quy hoạch chi tiết xây dựng, triển khai các dự án đầu tư xây dựng có liên quan

và quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn xã.

2.2. Tính chất, chức năng của xã

Là xã nằm trong phạm vi quy hoạch phát triển vùng Trung của huyện Thăng Bình, định hướng ưu tiên phát triển Thương mại dịch vụ, nông lâm nghiệp.

3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

3.1. Quy mô dân số, lao động

- Dân số: Đến năm 2025 đạt khoảng 11.310 người; đến năm 2030 đạt khoảng 11.410 người.

- Lao động: Đến năm 2025 đạt khoảng 6.786 người; đến năm 2030 đạt khoảng 6.846 người.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

a) Chỉ tiêu đất đai:

STT	Danh mục đất	Đơn vị	Quy chuẩn	Quy hoạch	Ghi chú
A	Dân số				
1	Năm 2025	người	11.310	11.310	Đảm bảo
2	Năm 2030	người	11.410	11.410	Đảm bảo
B	Đất công cộng				
1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan				
1.1	UBND xã Bình An	m ²	≥ 1000	9.800	Đảm bảo
2	Đất y tế				
2.1	Trạm Y tế xã		≥ 500	900,0	Đảm bảo
2	Đất giáo dục				
2.1	+ Đất trường mầm non	m ² /chỗ	≥ 12	20,9	Đảm bảo
2.2	+ Đất trường tiểu học	m ² /chỗ	≥ 10	39	Đảm bảo
2.3	+ Đất trường trung học cơ sở	m ² /chỗ	≥ 10	31,4	Đảm bảo
3	Đất công cộng nhà văn hoá				
3.1	Nhà văn hoá xã	m ²	≥ 1000	4.700,0	Đảm bảo
3.2	NVH Thôn An Thái	m ²	≥ 1000	2.100,0	Đảm bảo
3.3	NVH Thôn An Thành 2	m ²	≥ 1000	1.400,0	Đảm bảo
3.4	NVH Thôn An Thành 3	m ²	≥ 1000	1.000,0	Đảm bảo
3.5	NVH Thôn An Thành 1	m ²	≥ 1000	3.400,0	Đảm bảo
3.6	NVH Thôn An Dưỡng	m ²	≥ 1000	1.000,0	Đảm bảo
3.7	NVH Thôn An Mỹ	m ²	≥ 1000	1.300,0	Đảm bảo
3.8	NVH Thôn An Phước	m ²	≥ 1000	1.100,0	Đảm bảo
4	Đất chợ				
1	Chợ Quán Gò mới	m ²	≥ 1500	23.200,0	Đảm bảo
2	Chợ Quán Gò cũ	m ²	≥ 1500	5.600,0	Đảm bảo
5	Đất Bưu điện	m ²	≥ 150	200,0	Đảm bảo
C	Đất cây xanh thể dục thể thao				
1	Sân Vận Động xã	m ²	≥ 5000	14.400,0	Đảm bảo

b) Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

STT	Loại công trình	Quy chuẩn	Quy hoạch	Ghi chú
01	Nghĩa trang tập trung	- Diện tích: tối thiểu 0,04ha/ 1.000 người.	0,042/1.000 người	Đảm bảo
02	Trạm trung chuyển chất thải rắn	- Cách công trình nhà ở và các khu vực thường xuyên tập trung đông người ≥ 20 m	Đảm bảo	
03	Cấp nước	- Đối với hộ gia đình ≥ 60 lít/ng/ngđ.	120 lít/ng/ngđ.	Đảm bảo
04	Cấp điện	- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt tối thiểu 150W/ người. - Nhu cầu điện cho công cộng phải đảm bảo lớn hơn 15% nhu cầu điện sinh hoạt.	- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt 150W/ người. - Nhu cầu điện cho công cộng 20% nhu cầu điện sinh hoạt.	Đảm bảo

4. Định hướng phát triển không gian và quy hoạch sử dụng đất**4.1. Cấu trúc không gian toàn xã:**

- Phát triển xã Bình An trở thành một trọng điểm phát triển kinh tế vùng Trung của huyện Thăng Bình. Chia thành 03 vùng như sau:

+ Phân vùng 1: Diện tích khoảng 613,7ha, là khu vực phía Đông Quốc lộ 1A và Phía Bắc ĐH3 đến hết ranh giới xã. Định hướng phát triển: Khu vực sản xuất nông nghiệp, ưu tiên chỉnh trang dân cư hiện hữu, hạn chế phát triển dân cư mới.

+ Phân vùng 2: Diện tích khoảng 674,6ha, là khu vực phía Đông đường liên thôn An Phước đi An Thành 1 đến ranh giới Phân vùng 1. Định hướng phát triển : Khu trung tâm hành chính chính, chính trị, y tế văn hoá giáo dục của xã. Phát triển khu dân cư kết hợp TMDV dọc trục đường QL1A, khu dân cư mới khu trung tâm xã và là khu vực Quốc phòng an ninh của trung đoàn 143.

+ Phân vùng 3: Diện tích khoảng 978,0ha, là khu vực phía Tây đường liên thôn An Phước đi An Thành 1. Định hướng phát triển: Khu vực sản xuất nông nghiệp, ưu tiên chỉnh trang dân cư hiện hữu, phát triển dân cư một số trục chính.

4.2. Động lực phát triển chính của xã tập trung ở 3 khu vực:

+ Khu trung tâm xã: Quy mô khoảng 83,2ha. Mở rộng làm cơ sở để đầu tư xây dựng, thu hút dân cư, phát triển khu trung tâm xã trong giai đoạn dài hạn.

+ Khu chợ với diện tích khoảng 25,8ha.

+ Khu TMDV ven quốc lộ 1A với diện tích 16,5ha.

4.3. Định hướng tổ chức hệ thống dân cư:**a. Định hướng tổ chức dân cư mới:**

- Phát triển các điểm dân cư tập trung tại vị trí thuận lợi về giao thông, có nền đất ổn định và có quá trình lịch sử hình thành nhằm tạo động lực thúc đẩy đô thị

hóa nông thôn, đưa các dịch vụ, tiện ích công cộng đến gần hơn với cư dân nông thôn, làm cho người dân thụ hưởng các tiện ích một cách tối ưu nhất. Là cơ sở để thu hút các hộ dân sống rải rác, nhỏ lẻ, phân tán trên địa bàn xã dịch chuyển về các điểm dân cư tập trung tạo điều kiện tốt cho sinh hoạt và sản xuất.

- Các điểm dân cư phát triển theo hình thức tập trung, theo tuyến tạo thuận lợi trong giao dịch cộng đồng, đảm bảo đầu tư hạ tầng kinh tế và ổn định dân cư, hạn chế đền bù giải tỏa.

- Tôn trọng cấu trúc truyền thống đã phát triển lâu đời tại xã, bổ sung các không gian cần thiết, cải tạo và xây dựng mới hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xã hội phù hợp với tiêu chí mới.

- Phân định rõ giữa không gian sinh hoạt dân cư và không gian sản xuất có tính tác động đến môi trường xung quanh.

- Khung phát triển kiến trúc khu dân cư bao gồm những yếu tố cơ bản tạo nên không gian kinh tế, không gian cảnh quan và phân định các khu chức năng chính của dân cư.

b. Định hướng tổ chức dân cư hiện trạng chỉnh trang:

- Cải tạo nâng cấp khu dân cư hiện trạng, cần tôn trọng nét đặc trưng nhà ở truyền thống nhưng phải nhằm đáp ứng nâng cao đời sống hiện đại của người dân và tạo môi trường trong sạch theo tiêu chí mới.

- Công trình công cộng trọng điểm dân cư tập trung gồm có: Trường học, nhà văn hóa cụm dân cư kết hợp với điểm truy cập internet. Nhà văn hóa xây dựng kiên cố, nền cao tránh bị ngập lụt vào mùa mưa.

- Cải tạo hệ thống giao thông (tạo điểm tránh xe trong thôn xóm, tổ chức bãi đỗ kết hợp vườn hoa tại khu đất trống, chống ngập cục bộ, thoát nước trên các tuyến giao thông liên thôn); Tăng cường điện chiếu sáng trên đường thôn xóm và khu vực công cộng; Xây dựng bãi tập kết, thu gom sản phẩm; Trồng cây xanh cách ly giữa khu dân cư và nghĩa trang.

- Khu xây dựng mới cần khuyến khích xây dựng nhà ở kiên cố, có mái dốc, màu sắc hài hoà với cảnh quan nông thôn.

4.4. Định hướng tổ chức hệ thống đất xây dựng:

Giữ nguyên hiện trạng các công trình công cộng hiện có trên địa bàn xã, một số công trình chuyển đổi chức năng sử dụng, nâng cấp và mở rộng theo bảng kế hoạch chi tiết như sau:

a. Đất công trình trụ sở cơ quan: (Ký hiệu UB) Hiện nay trên địa bàn xã có Trụ sở UBND được xây dựng tại trung tâm xã, xây dựng kiên cố 2 tầng khang trang với tổng diện tích 0.98ha. Vị trí nằm trên đường Quốc lộ 1A. Trụ sở Quân sự, Công an nằm trong khuôn viên xã.

b. Đất công trình y tế: (Ký hiệu YT) Trạm y tế giữ nguyên vị trí tại trung tâm xã, được xây dựng khang trang, sạch đẹp đảm bảo đáp ứng yêu cầu công tác khám chữa bệnh nhân dân. Với diện tích 0,09ha. Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia.

c. Đất công trình giáo dục: (Ký hiệu MN, TH, TRH)

- Trường THPT Hùng Vương giữ nguyên vị trí hiện trạng với diện tích 1,86ha.

- Trường THCS Phan Châu Trinh giữ nguyên vị trí hiện trạng, mở rộng về phía sau với tổng diện tích 1,96ha để làm sân bóng đá 11 người.

- Các trường TH giữ nguyên vị trí với tổng diện tích là 3,09ha.

- Trường mẫu giáo Bình An giữ nguyên vị trí hiện trạng mở rộng về phía đông với tổng diện tích là 0,62ha. Các trường mẫu giáo khác giữ nguyên vị trí với tổng diện tích là 0,57ha.

d. Đất công trình nhà văn hóa: (Ký hiệu VH)

- Trên địa bàn hiện tại chưa có trung tâm văn hóa thể thao của xã, quy hoạch trung tâm văn hóa thể thao của xã vị trí tại phía tây SVĐ xã với diện tích 0,47ha.

- Ngoài trung tâm văn hoá thể thao thì các thôn cũng bố trí các nhà văn hoá tại các thôn như:

- + Quy hoạch NVH thôn An Mỹ bên cạnh trường mẫu giáo An Mỹ với diện tích 0,13ha.

- + Quy hoạch NVH thôn An Thành 2 trên đất trường mẫu giáo cũ với diện tích 0,14ha.

- + Các nhà văn hoá còn lại giữ nguyên vị trí.

e. Bưu điện: (Ký hiệu BD) xã giữ nguyên vị trí hiện trạng nằm tại vị trí trung tâm, với diện tích 0,02ha.

f. Đất công viên, thể dục thể thao: (Ký hiệu CX, TT)

- Đất thể dục thể thao: Quy hoạch 4 SVĐ tại 4 thôn An Mỹ, An Thành 2, An Phước, An Dưỡng với tổng diện tích 2,03ha.

- Đất công viên: Quy hoạch 2 công viên tại thôn An Thành 1 và An Thành 2 với tổng diện tích là 6,24ha.

f. Đất TMDV: (Ký hiệu CH, TM)

- Quy hoạch chợ Quán Gò mới nằm bên quốc lộ 1A với diện tích 2,32ha.

- Chợ Quán Gò giữ nguyên vị trí với diện tích 0,75ha.

- Đất TMDV: Giữ nguyên 3 khu TMDV hiện trạng với tổng diện tích 3,22ha. Quy hoạch mới 4 khu TMDV dọc QL1A và ĐH4.TB với tổng diện tích 13,11ha.

g. Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng:

Bãi tập kết cát sỏi (Ký hiệu KS): Quy hoạch mới tại thôn An thành 2 với diện tích 1ha.

h. Đất Quốc phòng, An ninh: (Ký hiệu QP, AN)

- Đất quốc phòng giữ nguyên vị trí với tổng diện tích 94,66ha.

k. Hạ tầng phục vụ sản xuất: (Ký hiệu DV SX) Quy hoạch 3 khu dịch vụ hỗ trợ phát triển nông thôn t với diện tích 4,27ha.

5. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

5.1. Chuẩn bị kỹ thuật

a. San nền:

- Cao độ khống chế được xác định dựa trên cao độ các tuyến đường các tuyến Quốc lộ 1A, ĐH, ĐX, khu vực Trung tâm xã và các khu vực đông dân cư.

- Một số khu vực xây dựng mới nằm trong khu vực bị ảnh hưởng ngập lụt thì cần tôn nền tương ứng hài hòa với cao độ nền đường hiện trạng. Không chế cao độ nền công trình mới lấy cao hơn cốt nền đường tại khu vực từ 0,30-0,50m.

- Đối với các khu dân cư hiện trạng có mật độ xây dựng đã tương đối ổn định, khi xen ghép xây dựng bổ sung thêm công trình hoặc cải tạo, nâng cấp công trình cũ cần không chế cao độ nền trên cơ sở không phá vỡ hoặc ảnh hưởng xấu tới công trình liền kề, đảm bảo phối hợp hài hòa với khu vực xung quanh và không ảnh hưởng bất lợi tới các hướng tuyến thoát nước chung của khu vực.

- Đối với các khu dân cư nằm ven theo các trục đường hiện có. Nền xây dựng được tổ chức san lấp cục bộ, cao độ không chế nền hoàn thiện công trình lấy cao hơn cốt nền đường tại khu vực từ: 0,3 - 0,5m. Tổ chức hướng dốc nền về phía có hệ thống thoát nước, độ dốc $i > 0,004$.

- Một số khu vực dự kiến xây dựng mới nằm trên nền thấp (ruộng lúa và hoa màu) bị ảnh hưởng ngập úng giải pháp chính là tôn nền. Cao độ nền xây dựng = cốt nền hiện trạng + (0,5 – 0,8)m tùy theo từng vị trí.

- Dự kiến biện pháp san lấp: nguồn đất san lấp lấy từ các đồi núi ở phía Tây khu vực quy hoạch.

b. Giải pháp thoát nước mặt:

- Lưu vực thoát nước: Phân chia lưu vực theo dạng phân tán nhằm thoát nhanh và giảm thiểu kích thước mương, cống. Hướng thoát nước chính của xã từ Tây Nam sang Đông Bắc.

- Các trục kênh tưới đi qua ranh giới nghiên cứu vẫn giữ nguyên vì đa số các tuyến mương này đều vẫn đang còn chức năng tưới cho khu vực. Chỉ nạo vét và kiên cố hóa hệ thống các tuyến kênh này.

- Hướng thoát nước chính cho toàn khu vực theo hướng dốc san nền của trục đường nội bộ rồi đổ vào tuyến cống chính nằm dọc trục đường lớn và thoát ra suối.

- Ngoài ra trên các trục đường giao thông còn bố trí các cống qua đường nhằm thoát nước thuận lợi cho khu vực.

5.2 Giao thông:

* Giao thông đối ngoại:

- Đường cao tốc: Đường cao tốc đoạn qua xã có chiều dài 1,4km, quản lý lộ giới 87m (theo Quyết Định số 339/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam) với mặt cắt (A-A).

- Đường sắt Bắc Nam: Đường sắt Bắc Nam đoạn qua xã có chiều dài 4,1km, quản lý lộ giới (21,4+T+P)m (theo Quyết Định số 339/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam) với mặt cắt (B-B).

- Đường sắt cao tốc: Đường sắt cao tốc đoạn qua xã có chiều dài 4,1km, quản lý lộ giới (21,4+T+P)m (theo Quyết Định số 339/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam) với mặt cắt (C-C).

- Đường quốc lộ: Đường quốc lộ 1A đoạn qua xã có chiều dài 4,2km định hướng tổ chức đường gom, Quản lý lộ giới 70m (theo Quyết Định số 339/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam) với mặt cắt (D-D).

* Đường huyện:

- Đường huyện ĐH4.TB, ĐH3.TB, ĐH25.TB, đường gom cao tốc: tổng chiều dài qua xã 15,3km; Quản lý lộ giới 30m (theo Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam) với mặt cắt (1-1) với bề rộng nền Bn= 7,5m.

- Đường giao thông đối nội:

+ Đường liên thôn: Tổ chức các tuyến đường ĐX1, ĐX2, ĐX3 trên cơ sở các tuyến đường hiện trạng, nhằm đảm bảo nối liền các cụm trung tâm thôn. Quản lý lộ giới 20m (theo văn bản số 14/TB-UBND ngày 27/1/2021 của huyện Thăng Bình) với mặt cắt (2-2).

+ Ngoài ra còn một số tuyến chính quản lý với lộ giới 16m (theo văn bản số 14/TB-UBND huyện Thăng Bình ngày 27/1/2021) với mặt cắt (3-3).

+ Các tuyến đường giao thông nội bộ trong khu dân cư quản lý lộ giới 7,5m với mặt cắt (4-4).

+ Cứng hóa, mở rộng các tuyến đường nội đồng, đối với các tuyến nội đồng cần đảm bảo xe cơ giới có thể đi lại, quản lý lộ giới 5m với mặt cắt (5-5) với bề rộng nền.

Kết cấu mặt đường bê tông xi măng

- Các công trình phục vụ giao thông:

+ Đầu nối giao thông: Tổ chức các nút giao cắt theo kiểu ngã ba, ngã tư đơn giản đồng mức.

5.3. Cấp điện

- Nguồn điện:

+ Ngắn hạn: từ trạm 110/22kV Thăng Bình 2, công suất 1x40MVA.

+ Dài hạn: - Nâng công suất trạm 110/22kV Thăng Bình 2 lên 2x40MVA.

- Công suất:

+ Đến năm 2025: 2012 KVA.

+ Đến năm 2030: 2030 KVA.

5.4. Cấp nước

+ Cấp nước sinh hoạt: từ nhà máy nước Tam Kỳ và một phần từ nguồn nước ngầm hiện có trong khu vực.

+ Cấp nước sản xuất: cung cấp được lấy từ hồ Phú Ninh và hồ Phước Hà.

- Công suất:

+ Đến năm 2025: 1.555 m³/ngđ.

+ Đến năm 2030: 1.883 m³/ngđ.

5.5. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

a. Thoát nước thải:

- Đến năm 2025: 995 m³/ngđ.

- Đến năm 2030: 1.205 m³/ngđ

b. Quản lý chất thải rắn:

- Đến năm 2025: 8,5 tấn/ngđ.
- Đến năm 2030: 8,5 tấn/ngđ.
- Định hướng thu gom về Khu xử lý chất thải rắn xã Bình Phú với diện tích 9,8ha.

c. Nghĩa trang, bãi chôn cất:

- Các khu nghĩa trang được tổ chức tại các vị trí đảm bảo cách ly khu dân cư, đảm bảo công tác VSMT.
- Dân cư xã tổ chức chôn cất tại nghĩa trang nhân dân của xã.
- Đối với các khu vực nghĩa trang tộc hiện có thì tiến hành khoanh vùng và không cho chôn cất tại đây nữa nhằm đảm bảo môi trường cho khu vực.
- Đối với một số mộ nằm rải rác trong khu dân cư cần tiến hành di dời;
- Trồng cây xanh cách ly và đảm bảo khoảng cách an toàn theo QCVN 07-10:2016/BXD.
- Khoanh vùng phạm vi Nghĩa trang, tổ chức chôn cất theo quy hoạch.

5.6. Đánh giá tác động môi trường chiến lược

- Biện pháp bảo vệ môi trường: Áp dụng các giải pháp giảm thiểu và bảo vệ môi trường theo từng nguồn tác động gồm: Quy hoạch sử dụng hợp lý tài nguyên đất và bảo vệ môi trường đất; giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên nước và bảo vệ môi trường nước; giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí; quy hoạch hệ thống thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn; giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học và rừng, các biện pháp giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

- Chương trình quan trắc, giám sát môi trường: Đối tượng quan trắc: môi trường đất, môi trường nước, môi trường khí. Thiết lập mạng lưới quan trắc trên phạm vi toàn vùng.

- Quan trắc chất lượng không khí, tiếng ồn tại tuyến đường giao thông chính; khu dân cư, khu, cụm công nghiệp có nguy cơ bị ảnh hưởng.

- Quan trắc chất lượng nước thải ở các vị trí đầu nối và nhất là ở điểm xả.

- Quan trắc chất lượng nước mặt trong các sông hồ nơi tiếp nhận nguồn thải

- Quan trắc chất lượng môi trường đất ở các khu vực nhạy cảm như các khu vực xử lý CTR, khu nghĩa trang, khu vực sản xuất nông nghiệp quy mô lớn.

6. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch: Ban hành Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. UBND xã Bình An:

- Công bố đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Bình An, Huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2030, để các cơ quan, đơn vị và nhân dân có liên quan được biết, theo dõi, giám sát việc thực hiện quy hoạch;

- Tổ chức lập kế hoạch cắm mốc, lập và trình phê duyệt nhiệm vụ cắm mốc, phê duyệt hồ sơ cắm mốc giới và tổ chức triển khai cắm mốc theo quy định.

- Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy hoạch được duyệt. Nếu có vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện, phối hợp với các ngành ở huyện báo cáo UBND huyện chỉ đạo, giải quyết.

2. Các phòng: Tài chính – Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi

trường, Văn hoá và Thông tin, Nông nghiệp và PTNT, các ngành liên quan ở huyện theo chức năng nhiệm vụ được giao, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát UBND xã Bình An thực hiện công tác quản lý xây dựng đúng theo quy hoạch chung được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 21/6/2013 của UBND huyện Thăng Bình về phê duyệt hồ sơ quy hoạch nông thôn mới và ban hành Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch của xã Bình An, huyện Thăng Bình.

Điều 4. Chánh văn phòng HĐND - UBND; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Văn hoá và Thông tin, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Bình An; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT HĐND, UBND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện
- TT HĐND xã Bình An;
- Lưu: VT, KTHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH